

Số: /QĐ-UBND Bắc Giang, ngày tháng 12 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 786/TTr-TNMT ngày 07/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty cổ phần bệnh viện Hùng Cường, địa chỉ trụ sở chính tại số 108 đường Tuệ Tĩnh, tổ dân phố số 2, thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Mở rộng quy mô, tăng giường bệnh Bệnh viện đa khoa Hùng Cường” tại số 108 đường Tuệ Tĩnh, tổ dân phố số 2, thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án

1.1. Tên dự án đầu tư: “Mở rộng quy mô, tăng giường bệnh Bệnh viện đa khoa Hùng Cường”.

1.2. Chủ dự án: Công ty cổ phần bệnh viện Hùng Cường.

1.3. Địa điểm hoạt động: Số 108 đường Tuệ Tĩnh, tổ dân phố số 2, thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

1.4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 2400483764 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp, đăng ký lần đầu ngày 01/09/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 06/04/2023.

Công văn số 4140/UBND-KGVX, ngày 26/07/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang nhất trí chủ trương mở rộng quy mô nâng giường bệnh Bệnh viện Đa khoa Hùng Cường thuộc Công ty cổ phần Bệnh viện Hùng Cường.

1.5. Mã số thuế: 2400483764.

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khám, chữa bệnh đa khoa.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Phạm vi: Dự án thực hiện tại số 108 đường Tuệ Tĩnh, tổ dân phố số 2, thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang với diện tích: 5.349,5 m².

- Quy mô, công suất của dự án:

+ Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công); không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

+ Quy mô 180 giường bệnh.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty cổ phần bệnh viện Hùng Cường được cấp Giấy phép môi trường

1. Công ty cổ phần bệnh viện Hùng Cường có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty cổ phần bệnh viện Hùng Cường có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Hiệp Hòa nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện, nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở

Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Hiệp Hòa.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (Mười) năm, kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành.

Quyết định số 898/QĐ-UBND ngày 17/7/2023 của UBND huyện Hiệp Hòa về việc Giấy phép môi trường dự án “Bệnh viện đa khoa Hùng Cường” tại số 108 đường Tuệ Tĩnh, tổ dân phố số 2, thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang do Công ty cổ phần bệnh viện Hùng Cường làm chủ dự án và các giấy phép môi trường thành phần (nếu có) hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND huyện Hiệp Hòa, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án “Mở rộng quy mô, tăng giường bệnh Bệnh viện đa khoa Hùng Cường” tại số 108 đường Tuệ Tĩnh, tổ dân phố số 2, thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định cấp Giấy phép môi trường được thành lập theo Quyết định số 1110/QĐ-TNMT ngày 02/11/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường; về kết quả thẩm định hồ sơ, tham mưu trình UBND tỉnh cấp Giấy phép môi trường cho Công ty cổ phần bệnh viện Hùng Cường được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đối với các nội dung, yêu cầu tại khoản 2 Điều 1 Giấy phép này đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Hiệp Hòa, Công ty cổ phần bệnh viện Hùng Cường và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Giấy phép này thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Chủ dự án (trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công);
- Văn phòng UBND tỉnh:
- + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
- + Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Lưu: VT, MT^{Việt Anh}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ô Pích

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)***A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI****1. Nguồn phát sinh nước thải:** Gồm 02 nguồn phát sinh:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên làm việc trong dự án, bệnh nhân và người nhà bệnh nhân.
- Nguồn số 02: Nước thải y tế phát sinh từ hoạt động khám chữa bệnh (Xét nghiệm, rửa tay, rửa thiết bị, dụng cụ, rửa sàn, giặt tẩy,...).

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

- Dòng nước thải: Gồm 1 dòng nước thải sau khi xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 200 m³/ngày đêm của dự án trước khi xả ra ngoài môi trường.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước chung của khu vực tổ dân phố số 2, thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

2.2. Vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 107⁰, múi chiều 3⁰):

- 01 vị trí tại điểm đầu nối với hệ thống thoát nước chung của khu vực tổ dân phố số 2, thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Tọa độ: X(m): 2362700; Y(m): 394715

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 100 m³/ngày đêm tương đương khoảng 4,17 m³/giờ (Tính theo 24 giờ).

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau khi xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 200 m³/ngày đêm của dự án được xả theo phương thức tự chảy theo đường ống PVC D140, dài 14m xả vào hệ thống thoát nước chung của khu vực tổ dân phố số 2, thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Xả nước thải liên tục 24/24 giờ

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung của khu vực tổ dân phố số 2, thị trấn Thắng phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 28:2010/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế, cột B, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 28:2010/BTNMT, cột B)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	6,5 - 8,5	Không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ theo quy định tại Khoản 2, Điều 97 - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022
2	Nhu cầu oxy sinh hoá (BOD ₅)	mg/l	60	
3	Nhu cầu oxy hoá học (COD)	mg/l	120	
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120	
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8	
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12	
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	60	
8	Phosphat (tính theo P)	mg/l	12	
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	24	
10	Tổng coliforms	MPN/100ml	5.000	
11	Salmonella	Vi khuẩn/100ml	KPH	
12	Shigella	Vi khuẩn/100ml	KPH	
13	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/100ml	KPH	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt:

+ Nước xí, tiểu được dẫn bằng ống PVC 110 về xử lý tại 06 bể tự hoại 3 ngăn xây ngầm dưới các khối nhà. Sau đó được dẫn ra hệ thống cống D90, D125, D140, D200 thoát nước bên ngoài về hệ thống xử lý tập trung công suất 200 m³/ngày đêm của bệnh viện để tiếp tục xử lý cùng nước thải y tế đạt QCVN 28 :2010/BTNMT, cột B trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

+ Nước rửa từ chậu rửa và sàn nhà vệ sinh được thu gom vào ống thoát nước PVC 110 ra hệ thống cống D90, D125, D140, D200 thoát nước bên ngoài rồi được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 200 m³/ngày đêm của bệnh viện để tiếp tục xử lý cùng nước thải y tế đạt QCVN 28 :2010/BTNMT, cột B trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Nước thải y tế:

Nước thải từ hoạt động khám, chữa bệnh như xét nghiệm, rửa tay, rửa thiết bị, dụng cụ, rửa sàn, giặt tẩy, ... của bệnh viện được thu gom qua hệ thống thu gom nước bằng chậu rửa (bằng inox có dung tích khoảng 50 lít), qua ống thoát nước PVC D110 chảy ra hệ thống công D90, D125, D140, D200 thoát nước bên ngoài rồi được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 200 m³/ngày đêm của bệnh viện để tiếp tục xử lý cùng nước thải sinh hoạt đạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột B trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ của trạm xử lý nước thải công suất 200 m³/ngày đêm: Nước thải sinh hoạt (sau khi xử lý sơ bộ qua 06 bể tự hoại 03 ngăn), nước thải y tế được dẫn về Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể trung gian → Bể khử trùng → Nước thải sau xử lý đạt cột B, QCVN 28:2010/BTNMT → Hệ thống thoát nước chung của khu vực tổ dân phố số 2, thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Công suất thiết kế của trạm xử lý nước thải: 200 m³/ngày đêm

- Hóa chất, vật liệu sử dụng cho trạm xử lý nước thải:

+ Hóa chất khử trùng (Javel): 180 kg/tháng (tương đương 6 kg/ngày)

+ Mật rỉ đường: 120 kg/tháng (tương đương 4 kg/ngày).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải

1.4.1. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý nước thải

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật (có nhật ký theo dõi, giám sát vận hành).

- Thường xuyên bảo dưỡng và duy tu, thay thế các thiết bị hỏng hóc, đảm bảo thay thế và bảo dưỡng các thiết bị vật liệu lọc, thiết bị xử lý để đảm bảo hiệu quả xử lý nước thải.

- Các hóa chất sử dụng phải tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất; không sử dụng các chất trong danh mục cấm của Việt Nam.

- Kiểm tra hệ thống thu gom và xử lý nước thải hàng ngày để có biện pháp phòng ngừa, bảo dưỡng định kỳ, kịp thời xử lý sự cố.

- Đảm bảo quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng kỹ thuật, tuân thủ định mức hóa chất.

- Luôn dự trữ và có phương án thay thế các thiết bị có nguy cơ hỏng hóc cao như: Máy bơm, phao, van, thiết bị sục khí, cánh khuấy và các thiết bị chuyển động khác... để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

1.4.2. Biện pháp, công trình, thiết bị ứng phó sự cố công trình xử lý nước thải

- Phải dừng hoạt động hệ thống xử lý nước thải để sửa chữa, đề ra phương

án khắc phục, đồng thời báo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Trong trường hợp sự cố kỹ thuật, cần phải sửa chữa thiết bị máy móc của hệ thống xử lý và phải dừng hoạt động để khắc phục sự cố mà bể điều hòa không đủ khả năng lưu chứa nước, thuê đơn vị chức năng đến hút nước thải đi xử lý.

- Nước thải qua hệ thống xử lý được đánh giá có thể gặp các sự cố một hoặc một số thông số ô nhiễm trong nước thải sau xử lý chưa đạt quy chuẩn cho phép (QCCP). Tùy theo thông số ô nhiễm nào vượt QCCP mà có sự kiểm tra, điều chỉnh cụ thể:

+ Nếu pH quá thấp hoặc quá cao ngoài giới hạn QCCP thì tiến hành lấy mẫu tại bể chứa nước thải sau xử lý, kiểm tra lại, điều chỉnh định mức hóa chất sử dụng cho đến khi kiểm tra mẫu đạt.

+ Nếu thông số chất rắn lơ lửng vượt quy chuẩn cho phép, kiểm tra hiệu quả lắng của bể lắng.

Tương tự đối với từng thông số sẽ đưa ra các biện pháp khắc phục khác nhau. Trong trường hợp sự cố phức tạp không thể tự xử lý cần liên hệ với bên lắp đặt, xây dựng hệ thống để xử lý.

Tương tự đối với từng thông số sẽ đưa ra các biện pháp khắc phục khác nhau. Trong trường hợp sự cố phức tạp không thể tự xử lý cần liên hệ với bên lắp đặt, xây dựng hệ thống để xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Từ ngày 01/02/2024 đến ngày 30/04/2024.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 200 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 01 vị trí:

- 01 vị trí tại điểm đầu nối với hệ thống thoát nước chung của khu vực tổ dân phố số 2, thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (QCVN 28:2010/BTNMT, cột B) (*Chi tiết theo nội dung được cấp phép tại phần A Phụ lục này*).

2.3. Tần suất lấy mẫu:

<i>TT</i>	<i>Vị trí lấy mẫu</i>	<i>Tần suất lấy mẫu</i>
1	- 01 vị trí tại điểm đầu nối với hệ thống thoát nước chung của khu vực tổ dân phố số 2, thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang	- Dự kiến tiến hành lấy mẫu 11 lần/ ngày trong 3 ngày liên tiếp. Thời gian cụ thể như sau: + Lần 1: 12/04/2024 + Lần 2: 13/04/2024 + Lần 3: 14/04/2024

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải vào hệ thống thoát nước chung của khu vực tổ dân phố số 2, thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Không được phép lắp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Hiệp Hòa xem xét, giải quyết.

- Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh. Nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ theo quy định.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với hệ thống xử lý nước thải, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Hiệp Hòa để kịp thời xử lý.

Phụ lục 2**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /12/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: Từ hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 200 m³/ngày đêm.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: 01 vị trí phát sinh tại khu vực hệ thống xử lý nước thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107⁰, múi chiếu 3⁰), tọa độ: X = 2362 671; Y = 394 717;

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21 - 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dBA		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ-21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

* Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

- Bố trí hệ thống xử lý nước thải nằm riêng biệt với khu khám chữa bệnh và làm việc hành chính.

- Bố trí xây ngầm hệ thống xử lý nước thải nhằm hạn chế phát tán tiếng ồn từ các máy bơm, máy thổi khí.

- Thực hiện vận hành và bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình.

* Công trình biện pháp, giảm thiểu độ rung:

- Cố định móng cho các máy móc, thiết bị có độ rung cao.

- Định kỳ, thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng, tra dầu, mỡ các máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải, tiến hành khắc phục khi máy có hiện tượng lỗi; tắt các thiết bị không sử dụng được để giảm thiểu tác động cộng hưởng giữa các thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường: Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 3**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /12/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh:****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

TT	Tên chất thải nguy hại	Đơn vị	Khối lượng
1	Chất thải lây nhiễm (Bao gồm cả chất thải sắc nhọn): kim tiêm, xi lanh, băng gạc dính máu hoặc dịch sinh học của cơ thể, mẫu bệnh phẩm, dụng cụ đựng dính mẫu bệnh phẩm, chất thải từ mẫu bệnh phẩm phòng xét nghiệm,...	Kg/tháng	1.800
2	Hoá chất thải bao gồm các thành phần nguy hại	Kg/tháng	6
3	Các thiết bị y tế vỡ hỏng đã qua sử dụng có chứa thủy ngân (như nhiệt kế)	Kg/tháng	3
4	Hộp mực in thải	Kg/tháng	2
5	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Kg/tháng	3
6	Các loại dầu mỡ thải	Kg/tháng	30
7	Pin, ắc quy thải bỏ	Kg/tháng	1
8	Vỏ chai thuốc, lọ thuốc, các dụng cụ dính thuốc thuộc nhóm độc tế bào và có cảnh báo từ nhà sản xuất	Kg/tháng	9
9	Bao bì thải cứng bằng nhựa (thùng, can đựng hoá chất khử trùng,...)	Kg/tháng	15
10	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm thành phần nguy hại	Kg/tháng	15
11	Bùn thải của hệ thống xử lý nước thải	Kg/tháng	2.000
Tổng		Kg/tháng	3.884

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn y tế thông thường phát sinh:

- Chất thải rắn y tế thông thường: Phát sinh từ các hoạt động khám chữa bệnh, điều trị,... không chứa các thành phần nguy hại, chất thải rắn phát sinh từ hoạt động hành chính văn phòng. Thành phần và khối lượng chất thải rắn y tế thông thường phát sinh được thể hiện ở bảng sau:

TT	Các loại chất thải rắn y tế thông thường	Đơn vị	Khối lượng
1	Chất thải rắn y tế thông thường phát sinh từ hoạt động khám chữa bệnh: Như chai lọ thủy tinh, chai huyết thanh, các vật liệu nhựa, các loại bột bó trong gãy xương kín	kg/ngày	58
2	Chất thải rắn y tế thông thường phát sinh từ công việc hành chính: giấy, báo, tài liệu, vật liệu đóng gói, thùng các tông, túi nilon, túi đựng phim,...	kg/ngày	9
Tổng		kg/ngày	67

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 377,5 kg/ngày tương đương với khoảng 11.325 kg/tháng. chủ yếu là bao bì, hộp đựng thức ăn, đồ dùng bằng nilon, nhựa, thủy tinh... phát sinh từ hoạt động của cán bộ, y bác sỹ, bệnh nhân và người nhà bệnh nhân.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải y tế thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bố trí 15 hộp kháng thùng màu vàng, chất liệu giấy Duplex kháng thùng, dung tích 5 lít/hộp, đặt trên xe tiêm và các khoa, phòng.

- Bố trí 30 thùng chứa bằng nhựa, có nắp đậy, có lót túi màu vàng, dung tích 25 lít/thùng đặt tại các khoa, phòng.

- Bố trí 10 thùng chứa bằng nhựa, có nắp đậy, có lót túi màu vàng, dung tích từ 100 lít/thùng đặt ở trong kho chứa chất thải nguy hại, có dán mã số chất thải nguy hại tương ứng với từng loại bên ngoài thùng.

- Bố trí 1 tủ đông với dung tích 92 lít để lưu giữ các loại chất thải lây nhiễm, dán mã số tương ứng bên ngoài tủ đông.

Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo quy định với tần suất 2 ngày/lần với chất thải nguy hại lây nhiễm và 6 tháng/lần với chất thải nguy hại không lây nhiễm.

Bùn thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung được bơm về lưu chứa tại bể chứa bùn có thể tích 18,72 m³. Chủ dự án ký hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng đến thu gom vận chuyển đi xử lý theo quy định với tần suất 06 tháng/lần hoặc khi bể chứa bùn gần đầy.

2.1.2. Kho/khu vực lưu giữ chất thải nguy hại

- Diện tích kho chứa chất thải nguy hại: 10 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Kết cấu tường xây gạch đặc, trát vữa xi măng, nền và mái đổ bê tông, bố trí cửa khóa và biển báo.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn y tế thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bố trí khoảng 60 thùng chứa dung tích từ 30 lít/thùng đặt tại các khoa, phòng của bệnh viện.

- Bố trí 5 thùng chứa dung tích 200 lít/thùng có nắp đậy đặt trong kho chứa chất thải rắn thông thường.

Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý chất thải y tế thông thường theo quy định với tần suất 1 tháng/1 lần.

2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa chất thải y tế thông thường

- Diện tích kho chứa chất thải rắn y tế thông thường: 10 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Kết cấu tường xây gạch đặc, trát vữa xi măng, nền và mái đổ bê tông.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bố trí 150 thùng chứa dung tích từ 30 lít/thùng đặt tại các khoa, phòng, của bệnh viện.

- Bố trí 5 thùng chứa dung tích từ 100 lít/thùng đặt tại khu vực sân đường nội bộ, hành lang của bệnh viện.

- Bố trí 5 thùng dung tích 200 lít/thùng có nắp đậy đặt tại kho chứa chất thải sinh hoạt.

Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định với tần suất 01 lần/ ngày.

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt

- Diện tích kho chứa chất thải rắn sinh hoạt: 10 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho: tường xây gạch đặc, trát vữa xi măng, nền và mái đổ bê tông.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải. Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải. Trong trường hợp xảy ra sự cố, nhanh chóng dừng hoạt động sản xuất, có các biện pháp khắc phục sự cố cho hệ thống xử lý nước thải,. Chỉ được tiếp tục hoạt động dự án khi xử lý khắc phục hoàn toàn sự cố.

Phụ lục 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /12/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)*

Công ty cổ phần bệnh viện Hùng Cường có trách nhiệm:

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình hoạt động của cơ sở. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh dự án.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình hoạt động của dự án; Định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải tại dự án để thu gom, xử lý toàn bộ lượng nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế, cột B; không để hiện tượng rò rỉ, ngấm nước thải ảnh hưởng đến môi trường đất, môi trường nước, không khí khu vực.

- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường trước ít nhất 10 ngày, kể từ ngày vận hành thử nghiệm để theo dõi, giám sát và thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định.

- Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo quy định tại: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 786/TTr-TNMT ngày 07/12/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường./.